

# TIỂU SỬ



## VÕ TRƯỜNG TOẢN

( ? – 1792)

Võ Trường Toản là nhà giáo lỗi lạc của miền Nam vào thế kỷ 18, sở học uyên thâm, nếp sống thanh cao, tận tụy với nghề dạy học, có công đào tạo được nhiều nhân tài cho đất nước, ông sống vào cuối thời Hậu Lê – Nguyễn Sơ, không rõ năm sinh và nguyên quán. Có nơi nói ông nguyên quán ở làng Thanh Khê, huyện Trà Khê, tỉnh Quảng Đức (nay là làng Thanh Lương, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên), nhưng theo Đại Nam Liệt Truyện Tiên Biên và Đại Nam Nhất Thống Chí thì Võ Trường Toản là người ở huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (nay là TP HCM).

Gặp lúc loạn lạc giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh, Võ Trường Toản ở ẩn, mở trường dạy học ở làng Hòa Hưng (nay là khu Hòa Hưng–Chí Hòa đường Cách Mạng Tháng 8, trước 1975 là đường Lê Văn Duyệt, Sài Gòn).

Sở học của Võ Trường Toản rất bao quát, thông suốt các kinh sách, ông dùng nghĩa lý để dạy học trò, nổi tiếng một thời với cái học “Tri Ngôn Dưỡng Khí”, môn đồ có đến hàng trăm người, có nhiều người thành danh như Ngô Tùng Châu, Trịnh Hoài Đức, Phạm Ngọc Uẩn, Lê Quang Định, Lê Bá Phẩm, Ngô Nhơn Tịnh... Vì môn đồ quá đông nên Võ Trường Toản phải mở trường dạy học tại chùa Từ Ân (ở Hòa Hưng) và tại võ ca<sup>1</sup> của đình Hòa Hưng. Sau trận chiến năm 1861, chùa Từ Ân bị hư hại nhiều nên năm 1870 được dời về ngôi chùa mới, được dựng lên gần rạch Ông Buông, lấy tên cũ để lưu giữ, nay là số 23 đường Tân Hóa, phường 14, quận 6. Đình Hòa Hưng (nay là đình Chí Hòa) tại số 475 đường Cách Mạng Tháng 8,

---

<sup>1</sup> Những đình ở miền Nam thường xây thêm một mái hiên lớn ở phía sau (đôi khi ở bên hông) của đình để làm nơi ăn uống và làm nơi trình diễn hát bội, cải lương trong những buổi tế lễ gọi là “võ ca”.

phường 13, quận 10, năm 1996 đã được Bộ Văn Hóa Thông Tin ký quyết định công nhận là di tích văn hóa cấp quốc gia.

Nguyễn Vương nghe tiếng, rất quý trọng, trong thời gian ở đất Gia Định, Vương thường mời Võ Trường Toản đến bàn việc nước và muốn phong quan tước, nhưng ông không nhận, chỉ để tâm chuyên lo dạy học. Sau khi Nguyễn Vương chiếm được đất Gia Định vào năm 1788 và mở khoa thi, nhóm môn sinh Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định thi đậu được bổ làm quan, ngoài ra, ông có tiến cử một số học trò và được Vương thu dụng.

Năm Nhâm Tý, Võ Trường Toản ốm nặng và mất vào ngày 9 tháng 6 âm lịch (tức ngày 27-7-1792), được an táng tại làng Hòa Hưng. Nguyễn Vương rất thương tiếc, ban cho danh hiệu “Gia Định Xử Sĩ Sùng Đức Võ Tiên Sinh” (Võ tiên sinh là kẻ sĩ ẩn dật ở đất Gia Định, người tôn sùng đạo đức) để khắc lên mộ bia. Ông không có con trai, chỉ có một con gái nhưng mất sớm nên không có người nối dõi, ông có một người con nuôi tên là Nguyễn Văn Trúc (阮文竹), được miễn lao dịch, quân vụ để coi việc thờ cúng. Đến năm Gia Long thứ 18 (1819), người cháu họ tên là Võ Tài Đồng (武才全) cũng được miễn lao dịch để tiếp tục lo việc hương hỏa. Văn thơ của Võ Trường Toản chỉ còn bài “Hoài Cổ Phú” do môn sinh ghi chép và lưu truyền lại. Khi mất, các vị Thượng Thư của Lục Bộ có viếng câu đối:

生前教訓得人無子而有子  
沒後聲名在世雖亡者不亡

*Sinh tiền giáo huấn đắc nhân, vô tử nhi hữu tử,  
Một hậu thanh danh tại thế, tuy vong giả bất vong.*

Dịch nghĩa :

Sống dạy dỗ được người, không con như có,

Chết tên còn lưu lại, đầu mất vẫn còn.

Nguyễn Vương cũng có ân tứ một đôi liên như sau:

朝有勲名半屬河汾舊學  
斗南風教齊欽嶽麓餘徽

*Triều hữu huân danh, bán thuộc Hà Phần cựu học,  
Đẩu nam phong giáo, tề khâm Nhạc Lộc dư huy.*

Dịch nghĩa :

Công nghiệp trong triều, nửa thuộc Hà Phần<sup>2</sup> cựu học,  
Phượng Nam giáo hóa, sánh bằng Nhạc Lộc<sup>2</sup> danh thơm.

Về sau, môn sinh tản mác mọi nơi, mộ phần không người trông giữ nên thành hoang phế. Đầu năm 1852, trong thời gian làm Kinh Lược Sứ ở Nam kỳ, Nguyễn Tri Phương dâng biểu xin trùng tu mộ Võ Trường Toản và xây đền thờ cùng cấp phu quét dọn, được vua Tự Đức phê chuẩn.

Đến năm 1860, để chống lại quân Pháp đang tiến chiếm Sài Gòn, Nguyễn Tri Phương cho đắp đại đồn Chí Hòa (còn gọi là Kỳ Hòa) ở Hòa Hưng (nay thuộc khu vực Chí Hòa – Hòa Hưng). Đồn này dài 3km và rộng 1km, hình chữ nhật dọc theo đường Cách Mạng Tháng 8 (trước 1975 là đường Lê Văn Duyệt, Sài Gòn), trung tâm của đồn là ngã ba đường Bắc Hải và Cách Mạng Tháng 8 bây giờ. Tháng 2 năm 1861, Pháp tấn công, đại đồn Chí Hòa thất thủ, mộ và đền Võ Trường Toản bị hư hại nhiều.

Tháng 6 năm 1862, triều đình ký hòa ước Nhâm Tuất, nhường ba tỉnh miền Đông (Biên Hòa, Gia Định và Định Tường) cho Pháp. Vì không muốn mộ của bậc cao sĩ ở trong vùng địch

---

<sup>2</sup> Hà Phần là nơi dạy học của Vương Thông, Nhạc Lộc là nơi dạy học của Chu Hy. Dùng điển tích hai nơi này để nói về Võ Trường Toản.

chiếm, Kinh Lược Sứ Phan Thanh Giản cùng Đốc Học Nguyễn Thông hợp với thân hào nhân sĩ của ba tỉnh miền Tây và hương chức làng Hòa Hưng, cải táng mộ Võ Trường Toản cùng vợ và con gái “tị địa” về làng Bảo Thạnh, huyện Bảo An, tỉnh Vĩnh Long (nay là Bến Tre) vào ngày 28 tháng 3 năm Đinh Mão (1867). Kinh Lược Sứ Phan Thanh Giản có viết bài văn bia cho mộ chí Võ Trường Toản, nhưng bia chưa khắc xong thì ba tháng sau, ba tỉnh miền Tây thất thủ cùng với sự tuần tiết của Phan Thanh Giản, nên việc xây cất phải bỏ dở. Mãi đến năm 1872, có một người Minh Hương ở Vĩnh Long là Trương Ngọc Lang, còn gọi là Bá Hộ Nọn<sup>3</sup> tiếp tục việc khắc bia và trùng tu mộ và đền. Ngoài bài văn bia của Phan Thanh Giản, Đốc Học Nguyễn Thông cũng có làm một bài văn tuyên dương tài đức Võ Trường Toản để khuyên các học sinh ở trong buổi lễ cải táng này. Năm 1868, sau khi “tị địa” ra Bình Thuận, Nguyễn Thông cũng viết thêm một bài văn bia cho Võ Trường Toản để khắc sau mộ biểu<sup>4</sup>, nhưng trong chuyến làm phim tài liệu về Võ Trường Toản vào năm 2000, người ta không tìm thấy văn bia đó ở khu lăng mộ<sup>5</sup>. Hiện nay, đình Bảo Thạnh thờ Võ Trường Toản và Phan Thanh Giản làm Phúc Thần cho làng.

Nhiều danh nhân miền Nam mặc dù không phải là học trò của Võ Trường Toản, nhưng đã chịu ảnh hưởng về sự giáo huấn của ông và tôn thờ ông là bậc Tôn Sư đức độ. Võ Trường Toản được thờ tại Văn Miếu ở Biên Hòa, Văn Thánh Miếu ở Vĩnh Long, Ngự Hiền Từ tại thị xã Phan Thiết...

---

<sup>3</sup> P. Daudin, “Un Grant Lettré De Cochinchine Au 18<sup>e</sup> Siècle: Vo Truong Toan”, Bulletin de la Société des Études Indochinoises, Tập 16, Số 1, Quý 1, 1941, Saigon, trang 22.

<sup>4</sup> Nam Xuân Thọ, “Võ Trường Toản”, Tân Việt, Sài Gòn, 1957, trang 13.

<sup>5</sup> Lý Việt Dũng, “Tài Liệu Về Võ Trường Toản”, tài liệu riêng, 2000.

Để biểu dương tài đức của một bậc danh sư miền Nam, năm 1955, bộ Quốc Gia Giáo Dục Việt Nam Cộng Hòa thành lập trường trung học công lập Võ Trường Toản, cùng chung địa điểm với trường Sư Phạm Nam Việt lúc đó tọa lạc tại số 11 đường Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, Sài Gòn.

Trong niên khoá 1955-1956, trường chỉ có ba lớp đệ Thất (lớp 6 bây giờ), nhưng vẫn phụ thuộc vào trường Sư Phạm Nam Việt. Học sinh không do trường tuyển nhận mà là những thí sinh đậu kế tiếp trong kỳ thi tuyển vào đệ Thất trường Pétrus Ký (bây giờ là trường Lê Hồng Phong) khóa tháng 7 năm 1955. Đến ngày 7 tháng 2 năm 1956, do nghị định số 62 ND/GD, trường được chính thức hóa và kể từ ngày 13 tháng 9 năm 1956, trường Sư Phạm Nam Việt được dời qua trường Quốc Gia Sư Phạm, trường trung học Võ Trường Toản mới tách rời khỏi trường Sư Phạm và hoạt động riêng biệt. Trường gồm có các lớp Trung Học đệ nhất cấp và đệ nhị cấp (cấp 2 và cấp 3 bây giờ) cho nam sinh, nhưng sau năm 1975, vì có ít phòng học nên trường đổi thành trường Trung Học Cơ Sở Võ Trường Toản, chỉ dạy cấp 2 (lớp 6-9) và nam nữ học chung.

Năm 1995, thầy trò của Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Võ Trường Toản tại quốc nội và hải ngoại phối hợp cùng trường trung học Võ Trường Toản (quận 1), Hội Phụ Huynh Học Sinh Võ Trường Toản và chính quyền tỉnh Bến Tre tổ chức quyên góp, tiến hành trùng tu lại mộ và đền. Đồ án trùng tu khu lăng mộ do một cựu học sinh Võ Trường Toản là Kiến Trúc Sư Nguyễn Minh Cảnh vẽ. Ngày 24-1-1998 Bộ Văn hóa Thông tin ra Quyết Định số 95/1998/QĐ-BVHTT công nhận mộ và đền Võ Trường Toản là di tích cấp Quốc Gia.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, chính quyền Việt Nam đã đổi tên những trường học ở miền Nam mang tên những danh nhân có liên quan đến triều Nguyễn hoặc nước Pháp trong thời Pháp thuộc, nhưng trường trung học Võ Trường Toản mang tên một

bậc danh sĩ có liên quan mật thiết đến vua Gia Long vẫn không bị đổi. Không những thế, vào năm 1998, nhân dịp kỷ niệm Sài Gòn 300 năm, báo Sài Gòn Giải Phóng còn tổ chức giải thưởng mang tên người Thầy nổi tiếng của đất miền Nam xưa – Giải thưởng Võ Trường Toản – nhằm tôn vinh các thầy cô giáo có nhiều đóng góp xuất sắc nhất, tiêu biểu nhất cho nền giáo dục. Phát huy ý nghĩa tốt đẹp của chương trình, từ năm 2004, giải được mở rộng đến TP Cần Thơ, tỉnh Bến Tre và tỉnh Sóc Trăng. Giải thưởng này vẫn còn tiếp tục hoạt động cho đến nay (vào ngày “Nhà giáo Việt Nam” tức là ngày 20 tháng 11 mỗi năm).

Ngoài ra, vào năm 2002 trường Tiểu Học Võ Trường Toản được thành lập tại số 354/74 đường Lý Thường Kiệt<sup>6</sup>, quận 10 cho học sinh cấp 1 (lớp 1-5). Tháng 12 năm 2004 trường Hiệp Thành tại khu phố 1 phường Hiệp Thành, quận 12 được đổi tên thành trường Trung Học Phổ Thông Võ Trường Toản cho học sinh cấp 3 (lớp 10-12). Những điều này, một lần nữa khẳng định đức độ và phương pháp giáo dục của danh sư Võ Trường Toản vẫn còn ảnh hưởng đến bây giờ.



---

<sup>6</sup> Bảng tên trên cổng trường ghi là 270 Lý Thường Kiệt, nhưng theo nhân viên nhà trường thì đây là địa chỉ cũ, không dùng nữa.

## VĂN BIA MỘ VÕ TRƯỜNG TOẢN

*Bản dịch sau đây căn cứ vào bản rập mộ bia Võ Trường Toản do Phan Thanh Giản viết vào năm 1867, nhưng bia chưa khắc xong thì 3 tỉnh miền Tây bị Pháp chiếm nên phải bỏ dở dang. Năm 1872, một người Minh Hương ở Vĩnh Long là Trương Ngọc Lang cho khắc tiếp. Bia này được khắc trên đá cẩm thạch trắng, kích thước: cao 1,2m, rộng 0,8m, dày 0,2m, rất may tuy chiến tranh loạn lạc, thời gian trải qua hơn trăm năm mà tấm bia vẫn còn như nguyên vẹn, không hư mất một chữ nào.*

*Tài liệu mộ bia này đã được đăng trong “Bulletin de la Société des Études Indochinoise” (Tập San Hội Nghiên Cứu Đông Dương), 1941, T.XVI, No. 1. Vì hình ảnh của bản rập bia không được rõ nên “Bulletin de la Société des Études Indochinoise” đã viết lại bản chữ Hán cho rõ ràng hơn.*

*Bản dịch này dựa trên bản rập bia và được đối chiếu với bản chữ Hán trong “Bulletin de la Société des Études Indochinoise”, những hình chụp chi tiết văn bia tại khu lăng mộ và trong “Lương Khê Văn Thảo Bổ Di” khi gặp những chữ khó đọc.*





夫千聖之道雖同見聞之知有異成功所以難也况乎生不及聖親不及賢得之煙微幽遠之間而建諸日月江河之大則其難者顧不十百而千萬者哉景嶽表以凝思望斗南而遐跂於嘉定處士武先生蓋有拳拳焉先生姓武諱長繼先世或云廣德之清偈人或云嘉定之平陽人其淵源所自靡得而詳先生踐履篤定術業深通值西山之亂隱居授徒常數百人吳公從周其高第也其次則鄭公懷德范公玉韞梨公光定梨公佰品吳公靜等名士則昭竹二逸人餘不能更數諸公感會風雲出為中興賢佐或殺身以成仁或匪躬以効節皆有功烈表見於世奉我世祖高皇帝御嘉定辰屢蒙召對又聞先生博貫羣經尤長四子書一部逸人昭宿學惟從先生受知言養氣之義曾見先生遺書大學千七百字散之則無數事物收之只二百字又收之則只一字又收之一字併無噫先生之學致其大而精之者也雖以之讀千萬經可也先生不任其事業不得槩見自先生以義理之學為教非惟當辰陶育得許多人材而傳述講摩至今六省之民忠義感發奮不顧身雖以深仁厚澤固結人心庸非開喻有所自來而能如是乎前壬子年六月初九日易箒大星告隕 宸心震悼欽蒙 賜號嘉定處士崇德武先生誌於墓 大定之後諸公寢以零散無所表揚嗣德五年欽奉 旨準卽于平陽縣和興村分建坊旌表同人為建祠置田以供辰節祀事近因兵燹鞠為荒墟故墳久留亦慮不便與領永隆督學同郡阮通會紳士謀遷之通知安江憲使范有政及河仙省皆合仍委秀才武嘉會等會和興村目等謹行開墾故檢更以新棺同人議以學使阮通宣主喪事其服製倣古喪師禮喪具既備以今年涓於三月二十八日安厝于保安縣保盛村之墟諡以德配淑慎之孺人合塋幼女從塋此地坐寅向申而兼甲庚倚崇岡而眺疎樾對面曠遠而幽秀殊有佳致墓前十丈建祠祠前七丈建坊是舉也在省寅朋轄下府縣教訓士子與安河二省紳士嘉定三省人士之流寓者咸預焉吉塋事竣摺請仍舊旌表又請募民五名夫長一名備守護掃除焉恐歲遠辰移後之人無以瞻式謹述其事而為之銘曰

於麻先生 遠學篤行 輻光隱耀 匪穎潛英 巨鏞隨叩 忽發大鳴 示我周行  
 政彼後覺 鑽仰終身 老而彌確 河汾殆庶 鹿洞苦卓 崇德遺榮 遵保天爵

嗣德二十年歲在丁卯三月二十八日晚生潘清簡薰沐謹銘復立牌位供奉萃文樓命匠刻牌遇浪沙官兵忽至匠刻未完終于前壬子至壬申共八十一年八月十五日愚又倩匠重修使永存而不沒焉永隆明鄉張玉郎謹承立

**Nguyên văn** (viết theo lối chữ quốc ngữ cho dễ đọc và dễ đối chiếu):

夫！千聖之道雖同，見聞之知有異，成功所以難也。况乎生不及聖，親不及賢，得之煙徼幽遠之間而建諸日月江河之大，則其難者，顧不十百而千萬者哉！景嶽表以凝思，望斗南而遐跂，於嘉定處士武先生蓋有拳拳焉。

先生姓武諱長纘。先世或云廣德之清偈人，或云嘉定之平陽人，其淵源所自靡得而詳。

先生踐履篤寔，術業深通。值西山之亂，隱居授徒，常數百人。吳公從周其高第也，其次則鄭公懷德，范公玉韞，梨公光定，梨公佰品，吳公靜等，名士則昭竹二逸人，餘不能更數。諸公感會風雲，出為中興賢佐，或殺身以成仁，或匪躬以効節。皆有功烈表見於世。

奉我世祖高皇帝御嘉定辰屢蒙召對。又聞先生博貫羣經，尤長四子書一部。逸人昭宿學惟從先生受知言養氣之義。曾見先生遺書：大學千七百字，散之則無數事物，收之只二百字，又收之則只一字，又收之一字併無。

噫！先生之學致其大而精之者也，雖以之讀千萬經可也。先生不任其事業不得槩見。自先生以義理之學為教。非惟當辰陶育得許多人材，而傳述講摩。至今六省之民忠義感發奮不顧身，雖以深仁厚澤，固結人心，庸非開喻，有所自來而能如是乎。

前壬子年六月初九日易簣大星告隕。宸心震悼，欽蒙賜號嘉定處士崇德武先生誌於墓。

大定之後諸公寢以零散無所表揚。嗣德五年欽奉旨準卽于平陽縣和興村分建坊旌表，同人為建祠置田以供辰節祀事。

近因兵燹鞠為荒墟。故墳久留亦慮不便，與領永隆督學同郡阮通會紳士謀遷之。通知安江憲使范有政，及河仙省皆合，仍委秀才武嘉會等，會和興村目等，謹行開墾，故檢更以新棺。同人議以學使阮通宣主喪事，其服製倣古喪師禮。喪具既備，以今年涓於三月二十八日，安厝于保安縣，保盛村之墟，諡以德配淑慎之孺人合塋，幼女從塋。

此地坐寅向申而兼甲庚，倚崇岡而眺疎樾，對面曠遠而幽秀，殊有佳致。墓前十丈建祠，祠前七丈建坊。是舉也，在省寅朋，轄下府縣，教訓士子，與安河二省紳士，嘉定三省人士之流寓者咸預焉。

吉塋事竣，摺請仍舊旌表，又請募民五名，夫長一名，備守護掃除焉。

恐歲遠辰移後之人無以瞻式，謹述其事而為之銘曰：

於麻先生，邃學篤行，  
韜光隱耀，匿穎潛英，  
巨鏞隨叩，忽發大鳴，  
示我周行，跂彼後覺，  
鑽仰終身，老而彌確，  
河汾殆庶，鹿洞苦卓，  
崇德遺榮，遵保天爵。

嗣德二十年，歲在丁卯，三月二十八日。晚生潘清簡薰沐謹銘。

復立牌位供奉萃文樓，命匠刻牌，遇浪沙官兵忽至，匠刻未完。終于前壬子至壬申共八十一年，八月十五日，愚又倩匠重修使永存而不沒焉。

永隆明鄉張玉郎謹承立

「福建省福州張德馨書  
廣南省殿盤府黃百堯刻」

### Phiên âm:

*Phù! thiên Thánh chi đạo tuy đồng, kiến văn chi tri hữu dị, thành công sở dĩ nan dã. Hướng hồ sinh bất cập thánh, thân bất cập hiền. Đắc chi yên vi, u viễn chi gian, nhi kiến chư nhật nguyệt, giang hà chi đại, tặc kỳ nan giả, cố bất thập, bách nhi thiên, vạn giả tai! Cảnh nhạc biểu dĩ ngưng tư, vọng Đẩu Nam nhi hà khí, ư Gia Định Xử Sĩ Võ Tiên Sinh cái hữu quyền quyền yên.*

*Tiên sinh tính Võ, húy Trường Toàn, tiên thế, hoặc vân Quảng Đức chi Thanh Kệ nhân, hoặc vân Gia Định chi Bình Dương nhân, kỳ uyên nguyên sở tự mị đắc nhi tường.*

*Tiên sinh tiến lý đốc thực, thuật nghiệp thâm thông, trị Tây Sơn chi loạn, ẩn cư thụ đồ, thường sở bách nhân. Ngô công Tùng Châu kỳ cao đệ dã. Kỳ thứ, tặc Trịnh công Hoài Đức, Phạm công Ngọc Uẩn, Lê công Quang Định, Lê công Bá Phẩm, Ngô công Tĩnh đẳng, danh sĩ tặc Chiêu, Trúc nhị dật nhân, dư bất năng cánh số. Chư công cảm hội phong vân, xuất vi trung hưng hiển tá, hoặc sát thân dĩ thành nhân, hoặc phỉ cung dĩ hiệu tiết, giai hữu công liệt biểu hiện ư thế.*

*Phụng ngữ Thế Tổ Cao Hoàng Đế ngự Gia Định thì (thìn)<sup>1</sup> lữ  
mông triều đối. Hựu văn tiên sinh bác quán quân kinh, vưu  
trường “Tứ Tử Thư” nhất bộ. Dật nhân Chiêu túc học, duy tông  
tiên sinh thụ “tri ngôn dưỡng khí” chi nghĩa, tăng kiến tiên sinh  
di thư: “Đại Học thiên thất bách tự, tán chi tắc vô số sự vật, thu  
chi chỉ nhị bách tự, hựu thu chi tắc chỉ nhất tự, hựu thu chi nhất  
tự tính vô”.*

*Y! Tiên sinh chi học trí kỳ đại nhi tinh chi giả dã, tuy dĩ chi độc  
thiên vạn kinh khả dã. Tiên sinh bất sĩ kỳ sự nghiệp bất đắc khái  
kiến. Tự tiên sinh dĩ nghĩa lý chi học vi giáo, phi duy đương thì  
(thìn)<sup>2</sup> đào đục đắc hứa đa nhân tài, nhi truyền thuật giảng ma.  
Chí kim, lục tỉnh chi dân trung nghĩa cảm phát phấn bất cố  
thân, tuy dĩ thâm nhân hậu trạch cố kết nhân tâm, dong phi khai  
du, hữu sở tự lai nhi năng như thị hồ!*

*Tiền Nhâm Tý niên, lục nguyệt sơ cửu nhật, dịch trách<sup>3</sup> đại tinh  
cáo vãn. Thần tâm chấn diệu, khâm mông tứ hiệu; “Gia Định  
Xử Sĩ Sùng Đức Vô Tiên Sinh” chí ư mộ.*

*Đại định chi hậu, chư công tảo dĩ linh tán, vô sở biểu dương.  
Tự Đức ngũ niên, khâm phụng chỉ chuẩn, tức vu Bình Dương  
huyện, Hòa Hưng thôn phận, kiến phường tinh biểu, đồng nhân  
vi kiến từ, trí điền dĩ cung thì (thìn)<sup>4</sup> tiết tự sự.*

*Cận nhân binh tiến, cục vi hoang khư, cố phân cửu lưu, diệc lự  
bất tiện. Dữ lĩnh Vĩnh Long đốc học đồng quận Nguyễn Thông,*

---

<sup>1</sup> Vì ký húy tên vua Tự Đức là Thì (時) nên phải dùng chữ “thìn” (辰).

<sup>2</sup> Ký húy – xem chú thích 1.

<sup>3</sup> Trách là cái chiếu. Lúc Tăng Tử sắp chết, gọi kẻ hầu vào thay chiếu, vì vậy người ta gọi các người ốm nặng sắp chết là “dịch trách”.

<sup>4</sup> Ký húy – xem chú thích 1.

hội thân sĩ mưu thiên chi. Thông tri An Giang hiến sứ Phạm Hữu Chánh, cấp Hà Tiên tỉnh giai hợp, nhưng ủy tú tài Võ Gia Hội đẳng, hội Hòa Hưng thôn mục đẳng, cần hành khai khoáng, cố kiểm canh dĩ tân quan. Đồng nhân nghị dĩ học sứ Nguyễn Thông tuyên chủ tang sự, kỳ phục chế phỏng cổ tang sự lễ. Tang cụ ký bị, dĩ kim niên quyên ư tam nguyệt, nhị thập bát nhật, an thổ vu Bảo An huyện, Bảo Thạnh thôn chi khứ, thụ dĩ đức phối thực thận chi nhụ nhân hợp táng, ấu nữ tòng táng.

Thử địa tọa Dần hướng Thân nhi kiêm Giáp Canh, ỷ sùng cương nhi thiếu sơ việt, đối diện khoáng viễn nhi u tú, thù hữu giai trí. Mộ tiền thập trượng kiến từ. Từ tiền thất trượng kiến phờng. Thị cử dã, tại tỉnh dân bằng, hạt hạ phủ huyện, giáo huấn sĩ tử, dĩ An Hà nhị tỉnh thân sĩ, Gia Định tam tỉnh, nhân sĩ chi lưu ngụ giả hàm dự yên.

Cát táng sự thuân, triệp thỉnh nhưng cộu tinh biểu, hựu thỉnh mộ dân ngũ danh, phu trưởng nhất danh, bị thủ hộ tảo trừ yên.

Khủng tuế viễn thì (thìn)<sup>5</sup> di hậu chi nhân vô dĩ chiêm thức, cần thuật kỳ sự nhi vì chi mình viết:

Ô hựu tiên sinh! Thúy học<sup>6</sup> đốc hành<sup>7</sup>.  
Thao quang ẩn diệu<sup>8</sup>. Nặc dĩnh tiềm anh.

---

<sup>5</sup> Ky hứy – xem chú thích 1.

<sup>6</sup> Thúy học (邃學): Học vấn thâm thúy. Theo “Đường Thư, Vi Hạ Khanh truyện”: Thiếu thúy ư học 少邃於學 (唐書, 韋夏卿傳): Học vấn thâm thúy từ lúc trẻ.

<sup>7</sup> Đốc hành (篤行): Làm việc chăm chỉ. Theo “Lễ Ký – Nho Hành”: Đốc hành nhi bất quyện 篤行而不倦 (禮記 - 儒行): đốc một lòng làm việc chăm chỉ không mệt mỏi.

<sup>8</sup> Thao quang ẩn diệu (韜光隱耀): Che dấu, không để lộ ra những nét tốt đẹp. Theo “Khổng Dung – Lý Hợp Tác Quận Tính Danh Thi”: Mai Tuyền

*Cự dong tùy khấu<sup>9</sup>. Hối phát đại minh.  
Thị ngã chu hành. Khí bỉ hậu giác<sup>10</sup>.  
Toàn ngưỡng<sup>11</sup> chung thân. Lão nhi di xác<sup>12</sup>.  
Hà Phần<sup>13</sup> đãi thứ<sup>14</sup>. Lộc Động<sup>15</sup> khổ trách<sup>16</sup>.*

---

ẩn diệu, mỹ ngọc thao quang (玟璇隱曜, 美玉韜光): Ngọc Mai Tuyền không hiện ra vẻ đẹp, ngọc quý giấu kín vẻ sáng.

<sup>9</sup> Tùy khấu (隨叩): Tùy theo sức mà gõ. Theo “*Lễ Ký – Học Ký*”: Thiên đãi vấn giả như chàng chung. Khấu chi dĩ tiểu giả tắc tiểu minh. Khấu chi dĩ đại giả tắc đại minh 善待問者如撞鐘。叩之以小者則小鳴。叩之以大者則大鳴。(禮記 - 學記): Học hỏi điều Thiên như đánh chuông, gõ nhỏ thì chuông kêu nhỏ, gõ lớn thì chuông kêu lớn.

<sup>10</sup> Hậu giác (後覺): Chỉ kể thức tỉnh sau. Theo “*Mạnh Tử – Quyển 10*”: Thiên chi sanh tư dân dã, sử tiên tri giác hậu tri, sử tiên giác giác hậu giác (天之生斯民也, 使先知覺後知, 使先覺覺後覺): Trời sinh ra con người, khiến kẻ hiểu biết trước chỉ kẻ hiểu biết sau, kẻ thức tỉnh trước đánh thức kẻ thức tỉnh sau.

<sup>11</sup> Toàn (toản) ngưỡng (鑽仰): Cao sâu và vững chắc. Theo “*Tử Hân dệ cửu*”: Ngưỡng chi di cao, toản chi di kiên (仰之彌高, 鑽之彌堅): Đạo (của Khổng Tử) càng ngưỡng lên trông càng thấy cao, càng đục càng thấy cứng.

<sup>12</sup> Xác (確): Chắc chắn. Theo “*Kinh Dịch – Kiền quái*”: Xác hồ kỳ bất khả bạt (確乎其不可拔): Bền chắc không thể đánh đổ.

<sup>13</sup> Hà Phần là nơi dạy học của Vương Thông. Vương Thông tự Trọng Yêm, là nhà Đại Nho đời Tùy. Suốt đời ông chỉ dạy học. Học trò ông về sau có nhiều người trở thành danh thần thời Sơ Đường. Ông đề cao thi, thư, lễ, nhạc, nhân chính, đức trị, quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử... Ông chủ trương Tam Giáo Qui Nhất đưa cả ba giáo (Nho, Phật, Đạo) vào một mối.

<sup>14</sup> Đãi thứ (殆庶): Gần như bậc thánh. Theo “*Chu Dịch – Hệ Từ hạ*”: Tử viết: Nhan thị chi tử kỳ đãi thứ ki hô! Hữu bất thiện vị thường bất tri. Tri chi vị thường phục hành dã. 子曰：顏氏之子其殆庶幾乎。有不善未嘗不知。知之未嘗復行也(周易-繫辭下): Khổng Tử nói: “Như Nhan Hôi kia, đã gần như là bậc Thánh Hiền rồi, có lỗi thì nhận biết, biết rồi không bao giờ phạm lại”.

<sup>15</sup> Lộc Động, Lộc Dã là nơi ở và dạy học của Chu Hy, một học giả uyên bác đời Tống, người đã thích nghĩa bộ Tứ Thư và làm ra rất nhiều sách.

*Sùng Đức di vinh. Tuân bảo thiên tước*<sup>17</sup>.

*Tự Đức nhị thập niên, tuế tại Đinh Mão, tam nguyệt nhị thập bát nhật. Văn sinh Phan Thanh Giản, huân một cần mình.*

*Phục lập bài vị cung phụng Tuy Văn Lâu, mệnh tượng khắc bài, ngộ Lang Sa quan binh hối chí, tượng khắc vị hoàn, chung vu tiền Nhâm Tý chí Nhâm Thân cộng bát thập nhất niên, bát nguyệt thập ngũ nhật, ngu hựu sai tượng trùng tu sử vĩnh tồn nhi bất một yên. Vĩnh Long Minh Hương Trương Ngọc Lang cần thừa lập.*

*Lạc khoản*<sup>18</sup>:

*Phước Kiến tỉnh Phước Châu Trương Đức Hình thư.*

*Quảng Nam tỉnh Điện Bàn phủ Huỳnh Bá Nghiêu khắc.*

---

<sup>16</sup> Khổ trách (苦卓): Khổ não không bì kịp. Theo “*Dương Tử – Pháp Ngôn*”: Nhan khổ Khổng chi trách chi chí dã. 顏苦孔之卓之至也 (揚子法言): Nhan Hôi lo sợ không theo kịp chí hướng của Khổng Tử.

Đây là câu nói có nghĩa bóng là nhấn mạnh đến sự chăm chỉ học hành. Thành tựu của Khổng Tử quá lớn, quá cao xa, đã quá siêu việt (孔之卓之至), Nhan Hôi dù có cố gắng thế nào đi nữa, cũng không thể sánh được. Do vậy, Nhan Hôi lo sợ khổ não (顏苦) không bì kịp, không học nổi, không thành đạt được như Khổng Tử (do vậy, thái độ sợ không theo được cái gương Khổng Tử nên Nhan Hôi cố gắng chăm lo học hành, trau dồi trí thức, chính là thái độ cần thiết của kẻ học hành).

<sup>17</sup> Thiên tước (天爵): Phẩm tước trời cho. Theo “*Mạnh Tử – Cáo Tử thượng*”: Mạnh Tử viết: Hữu thiên tước giả, hữu nhân tước giả. Nhân nghĩa trung tín, nhạc thiện bất quyện: thử thiên tước dã. Công khanh đại phu, thử nhân tước dã 孟子曰：有天爵者，有人爵者。仁義忠信，樂善不倦：此天爵也。公卿大夫，此人爵也。 Mạnh Tử nói rằng: “Có phẩm tước do trời cho mình, có phẩm tước do người ta đặt ra. Nhân, nghĩa, trung, tín, vui với điều Thiện không chán nản là Thiên Tước; công, khanh, đại phu là Nhân Tước”.

<sup>18</sup> Khi đứng đối diện mặt bia nhìn vào, hai dòng lạc khoản này khắc ở phía bên hông trái văn bia.

## **Dịch nghĩa:**

Đạo học của các bậc Thánh Hiền tuy chỉ có một, nhưng điều thu lượm của mỗi người có chỗ khác nhau, nên khó mà thành công được. Hướng hồ sinh không cùng với thánh nhân, lại không được gần người hiền, những điều học hỏi thì ít ỏi mơ hồ mà lại có hoài bão lớn như tạo mặt trời, mặt trăng, sông rộng, thì sự khó khăn không chỉ đến mười, đến trăm mà cả đến vạn lần! Định thần lúc chiêm ngưỡng núi cao, lòng muốn tới đỉnh, ngắm sao Đẩu cố nhón gót chân, cho nên ta phải luôn luôn ghi nhớ tài đức của xử sĩ họ Võ ở đất Gia Định vậy.

Tiên sinh họ Võ, tên Trường Toàn, có nơi nói tổ tiên là người ở Thanh Khê, Quảng Đức, hoặc ở Bình Dương, Gia Định, nguồn gốc chưa được rõ.

Sở học của tiên sinh vững chắc và sâu rộng, gặp thời loạn Tây Sơn, ở ẩn dạy học, môn đồ có đến hàng trăm người. Hạng học trò giỏi như Ngô Tùng Châu, thứ đến là Trịnh Hoài Đức, Phạm Ngọc Uẩn, Lê Quang Định, Lê Bá Phẩm, Ngô (Nhơn) Tịnh<sup>19</sup>; hạng danh sĩ là hai người ở ẩn tên Chiêu và Trúc, ngoài ra nhiều kẻ không hết. Những người học trò này, cảm kích khi gặp thời, đã ra giúp Nguyễn Vương trong thời Trung Hưng<sup>20</sup>, có kẻ tự sát để giữ tròn đạo làm người, có người quên thân mình để bảo toàn tiết tháo, tất cả đều lưu lại sự nghiệp vẻ vang cho đời.

---

<sup>19</sup> Theo đúng cách phát âm của những từ điển Hán Việt thì phải đọc là Ngô Nhân Tĩnh (吳仁靜) như những sách hiện nay viết, nhưng theo cách đọc của người miền Nam và những sách in ở miền Nam trước 1975 thì đọc là Ngô Nhơn Tịnh.

<sup>20</sup> Những sử sách triều Nguyễn khi nói đến thời Trung Hưng, nghĩa là nói đến thời kỳ Nguyễn Ánh xưng Vương, bôn tẩu phục quốc (1780–1802), không phải nói về thời Lê Trung Hưng (1533–1788).

Trong thời gian ở Gia Định, Nguyễn Vương thường mời tiên sinh đến để hỏi việc. Lại nghe nói tiên sinh thông suốt các kinh sách và sở trường về Tứ Thư. Người ở ẩn tên Chiêu trở nên người tài giỏi cũng là nhờ lãnh hội được ý nghĩa câu “hiểu lời nói, tu dưỡng chí khí” khi theo học với tiên sinh, và đã từng đọc được trong sách của tiên sinh để lại: “Sách Đại Học có một ngàn bảy trăm chữ, nếu bàn rộng ra thì vô số sự việc, nếu tóm tắt lại thì chỉ còn hai trăm chữ, nếu tóm tắt nữa thì chỉ còn một chữ, nếu tóm tắt lần nữa thì một chữ cũng không còn”<sup>21</sup>.

Ôi! Sở học của tiên sinh bao quát và tinh tế như vậy, cho dù đọc ngàn vạn kinh sách thì cũng chỉ được như vậy thôi. Tiên sinh không ra làm quan nên không thấy được sự nghiệp ghi lại. Từ khi tiên sinh dùng nghĩa lý để dạy học trò, không những đào tạo được nhiều nhân tài lúc ấy, mà phương pháp giảng dạy đó còn truyền đến về sau. Cho đến nay, lòng trung nghĩa của nhân dân Lục Tỉnh hăng hái vì nước quên mình, tuy nhờ ân đức cao dày của nhà Vua đã giữ vững lòng người, nhưng nếu chẳng nhờ công khai hóa, dạy dỗ của Tiên sinh để lại từ trước, thì làm sao có được như vậy?

Năm Nhâm Tý (1792), tiên sinh ốm nặng và mất vào ngày 9 tháng 6. Nguyễn Vương vô cùng thương tiếc, ban cho danh hiệu “*Gia Định Xứ Sĩ Sùng Đức Võ Tiên Sinh*” (Kẻ sĩ ở ẩn, không ra làm quan ở đất Gia Định là Võ tiên sinh, người tôn sùng đạo đức) để khắc lên mộ bia.

Sau hồi bình định đất nước, những môn đồ của tiên sinh tản mác mỗi nơi, không còn ai biểu dương tài đức của tiên sinh

---

<sup>21</sup> Ý nói là phương pháp giảng dạy của Võ Trường Toản chú trọng về sự hiểu biết nghĩa lý trong sách để thực hành, không phải lối học từ chương: “Nếu giảng nghĩa từng chữ trong sách thì nói mãi cũng không bao giờ hết, nhưng khi hiểu rõ nghĩa lý rồi làm theo, thì một chữ cũng không cần”.

nữa. Vào năm Tự Đức thứ 5 (1852), Vua sai lập khu tưởng niệm<sup>22</sup> để tuyên dương tài đức của tiên sinh tại làng Hòa Hưng, huyện Bình Dương, mọi người mới xây đền và hiến ruộng để cúng ứng cho việc cúng tế mỗi năm.

Gần đây gặp nạn binh lửa, khu tưởng niệm và đền bị tàn phá, trở thành hoang phế, phần mộ xem như cũng khó bề tồn tại. Tôi cùng Đốc Học<sup>23</sup> Nguyễn Thông là người đồng hương, hợp với thân hào nhân sĩ để bàn việc cải táng. Sau đó thông báo cho Hiến Sĩ<sup>24</sup> tỉnh An Giang là Phạm Hữu Chánh, hợp cùng tỉnh Hà Tiên, ủy thác cho Tú Tài<sup>25</sup> Võ Gia Hội cùng với các vị chức sắc làng Hòa Hưng kính cẩn đào mộ, thu liệm hài cốt vào quan tài mới. Mọi người đề nghị cử Đốc Học Nguyễn Thông làm tang chủ, mặc tang phục theo lễ xưa của học trò để tang thầy. Mọi việc chuẩn bị xong, chọn ngày 28 tháng 3 năm nay làm lễ cải táng Võ tiên sinh tại gò đất lớn làng Bảo Thạnh,

---

<sup>22</sup> Nguyên văn chữ Hán là “phường tinh biếu”. “Phường” là một kiến trúc được xây đắp ở các làng mạc để tuyên dương các người hiền. Ai có đức hạnh gì đáng khen vua cho dựng nhà treo biển để biểu dương gọi là “Tinh”. “Biếu” là nêu tỏ cho mọi người được biết. Tạm dịch câu này là “khu tưởng niệm”.

<sup>23</sup> Dưới thời Nguyễn, mỗi tỉnh đặt một viên Đốc Học để trông coi về việc học (Giáo Dục). Đốc Học hàm Chánh Ngũ Phẩm.

<sup>24</sup> Đô Ty, Thừa Ty và Hiến Ty còn gọi là Tam Ty, được đặt ra cho mỗi tỉnh để trông coi về phần hành chánh và an ninh. Đô Ty trông coi về việc binh, Thừa Ty giữ việc hộ tịch và thuế má, Hiến Ty giữ việc luật pháp, nói bày, khám đoán, xét hỏi, hội đồng kiểm soát, khảo khóa, tuần hành cộng 32 điều, rất phức tạp. Chức Hiến Sĩ và Hiến Phủ thuộc về Hiến Ty, là chức quan rất quan trọng, thường cử quan ở Khoa, Đài, Tự lâu năm mà bổ.

<sup>25</sup> Dưới thời Nguyễn, thi Hương nếu đậu cả bốn trường thì gọi là Cử Nhân, được thi Hội, còn đậu tam trường là Tú Tài, phải về học lại thi kỳ thi Hương sau.

huyện Bảo An, cùng cải táng di hài người vợ là bà “Thục Thận”<sup>26</sup> và di hài người con gái nhỏ của tiên sinh.

Mộ xây hướng Đông-Bắc Đông, trông về hướng Tây-Nam Tây<sup>27</sup>, lưng dựa vào gò cao, xa nhìn qua một rừng cây thưa bóng mát, đối diện với một khoảng trống, u nhã và thanh tú, cảnh trí rất đẹp. Trước mộ mười trượng<sup>28</sup> xây đền, trước đền bày tượng dựng cổng treo cờ biển. Buổi lễ cải táng này, các quan đồng liêu tại tỉnh, hạt, phủ, huyện, cùng thầy giáo, học

---

<sup>26</sup> Bốn chữ dùng để khen tư cách (tư phong) của người đàn bà là “Thục, Thận, Hiền, Trinh”. Thục Thận (hiền lành và cẩn thận) là tiếng để tôn xưng, hoặc là tên vua ban cho, không phải là tên thật. Bài “Yến yến” trong Kinh Thi có khen nàng Đái Quy là “Chung ôn thả huệ, thục thận kỳ thân” (終溫且惠，淑慎其身)， đã được Tạ Quang Phát dịch như sau: “Đến cùng kính thuận dịu hòa, hiền lành cẩn thận để mà giữ thân”. Vua Minh Mạng cũng đã từng ban cho hai bà phi Mỹ Nhân Nguyễn Thị Bản và Tài Nhân Đỗ Thị Cường tên thụy là “Thục Thận”.

<sup>27</sup> Nguyên văn là “*lọa Dân hướng Thân nhi kiêm Giáp Canh*”, theo khoa địa lý: “*lọa Dân kiêm Giáp, hướng Thân kiêm Canh*”, tức là đầu hướng “*Đông Bắc (Dân) lệch về hướng Đông (kiêm Giáp)*”, tức là hướng Đông-Bắc Đông, chân hướng “*Tây Nam (Thân) lệch về hướng Tây (kiêm Canh)*”, tức là hướng Tây-Nam Tây.

<sup>28</sup> 1 trượng = 10 thước.

Trước khi Pháp chiếm đóng Đông Dương, đã có nhiều loại thước ở Việt Nam, phục vụ cho các mục đích khác nhau và có độ dài khác nhau.

Theo Hoàng Phê, “*Từ Điển Tiếng Việt*”, Nxb KHXH. Hà Nội, 1988, thì trong hệ đo lường cổ Việt Nam có ít nhất 2 loại thước đo chiều dài với các giá trị trước năm 1890 là thước ta hay thước mộc 0,425 mét và thước đo vải 0,645 mét.

Theo Nguyễn Đình Đầu, “*Nghiên Cứu Địa Bạ Triều Nguyễn*”, tập Thửa Thiên, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1997, tập Biên Hòa, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, thì cả trường xích và điền xích đều bằng 0,4664 mét.

Theo Thạc sĩ Phan Thanh Hải trong bài “*Hệ Thống Thước Đo Thời Nguyễn*” thì có 3 loại thước chính: thước đo vải từ 0,6 đến 0,65 mét, thước đo đất luôn là 0,47 mét và thước mộc từ 0,28 đến 0,5 mét.

trò và thân hào nhân sĩ của hai tỉnh An Giang, Hà Tiên và ba tỉnh Gia Định đều đến dự lễ.

Việc an táng xong xuôi, tôi xin được treo cờ biển như cũ, lại xin mộ 5 người dân và 1 người phu trưởng để giữ gìn và quét dọn mộ phần.

Vì lo sợ sau này người đời không biết đến để chiêm ngưỡng, tôi xin kính cẩn thuật lại sự việc này và làm bài minh rằng:

Ô hô tiên sinh!

Học vấn thâm thúy, dạy học hết lòng.

Giấu những điều vẻ vang, tốt đẹp của mình,

Không để lộ tài năng và những điều khác lạ hơn người.

(Tiên sinh) như cái chuông, tùy sức người gõ,

(Thì sê) chợt phát ra tiếng kêu lớn.

(Tiên sinh) chu đáo chỉ bảo từng bước đi cho ta nối gót theo sau.

Trọn đời theo đạo học cao sâu và vững chắc.

Càng già càng thấy chắc chắn rõ rệt.

(Tiên sinh) sánh gần bằng Vương Thông,

(Tiên sinh) lo sợ đạo học không bằng Chu Hy<sup>29</sup>,

---

<sup>29</sup> Ý nói Võ Trường Toản đã đào tạo nhiều học trò là danh thần đời Nguyễn Sơ, sự nghiệp giáo dục cũng sánh gần bằng Vương Thông, người đã suốt đời dạy học và có nhiều học trò thành danh đời Sơ Đường.

Ngoài ra, cũng như Chu Hy là người đã mở trường dạy học và thích nghĩa bộ Tứ Thư, Võ Trường Toản là người sở trường về bộ Tứ Thư và cũng đã mở trường dạy học.

Phan Thanh Giản đã dùng hai điển tích về Nhan Hồi để nói về Võ Trường Toản (xem chú thích số 13-16 trang 23-24). Nhan Hồi là người học trò giỏi nhất và đặc ý nhất của Khổng Tử, được tôn là Phục Thánh trong Tứ Phối (bốn vị Thánh được phối hưởng cúng tế với Đức Khổng Tử). Điều khéo léo của hai câu này là đã đề cao sự nghiệp đào tạo nhân tài của Võ Trường Toản sánh bằng Vương Thông và Chu Hy, nhưng về đạo đức và đạo học thì như Nhan Hồi.

Sùng Đức (Võ tiên sinh) đã lưu lại cho đời những vẻ vang (đào tạo nhân tài cho đất nước).  
(Tiên sinh) đã làm theo sứ mạng của Trời ban.

Năm Tự Đức thứ 20, năm Đinh Mão (1867), ngày 28 tháng 3.  
Người học trò lớp sau là Phan Thanh Giản đã tắm gội sạch sẽ trước khi kính cẩn viết bài văn bia này.

Lại sai làm bài vị để thờ ở Tụy Văn Lâu, đang sai thợ khắc bài vị thì đột nhiên quân Pháp kéo đến, thợ khắc chưa xong. Như vậy kể từ năm Nhâm Tý (1792) cho đến năm Nhâm Thân (1872), tổng cộng là tám mươi một năm (tính theo năm ta). Vào ngày rằm tháng tám, kẻ ngu si này sai thợ khắc lại để bia còn mãi mãi về sau.

Người Minh Hương ở Vĩnh Long là Trương Ngọc Lang kính cẩn nối tiếp làm bia.

Lạc khoản:

Trương Đức Hình ở Phúc Kiến, tỉnh Phúc Châu viết chữ.

Huỳnh Bá Nghiêu ở phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam khắc bia.



## VĂN BIA DO NGUYỄN THÔNG VIẾT

*Ba tháng sau ngày lễ cải táng Võ Trường Toản, giặc Pháp chiếm nốt ba tỉnh miền Tây và Kinh Lược Sứ Phan Thanh Giản tuẫn tiết (năm 1867). Đốc học Nguyễn Thông cùng một số gia đình sĩ phu “tị địa” ra ở Bình Thuận.*

*Cuối năm 1867, Nguyễn Thông được làm Án Sát Khánh Hòa, nhưng lòng vẫn nghĩ đến Nam Kỳ đã mất. Vì kính mến Phan Thanh Giản, Nguyễn Thông đã nhiều lần dâng sớ xin truy tặng về việc Phan Thanh Giản đã tử tiết, nhưng không được chấp thuận. Năm 1868, Nguyễn Thông viết bài văn bia Võ Trường Toản sau đây. Theo Nam Xuân Thọ trong quyển “Võ Trường Toản” xuất bản năm 1957, bài văn bia này được khắc sau mộ biểu của Võ Trường Toản, nhưng theo ông Lý Việt Dũng, ông không tìm thấy bài văn bia này khi được theo hãng phim Truyền Hình TP HCM đến lăng mộ Võ Trường Toản quay phim tài liệu vào trước Tết Canh Thìn (2000).*



## VĂN BIA CỦA NGUYỄN THÔNG DỤNG Ở MỘ VÕ TRƯỜNG TOẢN<sup>30</sup>

Từ Lương Khê Phan tiên sinh tới cụ Sùng Đức Võ phu tử khoảng thời gian không mấy xa.

Sở học của Phan tiên sinh lấy chữ “*Thành*” làm chủ đích; trước hết, lấy việc trị tính tình làm phương thiết thực.

Thời gần đây, tuy các nhà Nho chưa xem xét tới sở học ấy, nhưng lời giảng luận xưa kia, câu biên chép còn sót lại của cụ Sùng Đức vẫn còn tiêm nhiễm trĩu trĩu trong lòng. Sở học của Sùng Đức thật là thiết thực, thâm uyên, rất hiệp với tư tưởng thánh hiền xưa vậy.

Lương Khê tiên sinh soạn bài biểu đề mộ cụ Sùng Đức ba tháng trước ngày tuần tiết. Đương hồi thiên hạ gian nan loạn lạc, tiên sinh lo việc tôn sùng đức nghiệp cụ Võ phu tử. Nhờ bài biểu ấy mà đạo cụ Võ được suy tôn thêm và ý nghĩa của thánh kinh càng thêm sáng tỏ.

Người cầu học trong đời, một khi thể nhận lời của Lương Khê tiên sinh sẽ chăm chú lo việc chí tình chí tính để đi đến chỗ sáng suốt, tinh thành kín đáo của đạo học. Chừng ấy, người không còn lằm tục học, dị đoan dời đổi lòng người, trái lại, được nhiều điều bổ ích cho tâm thần người lắm.

Ở đời, việc thắng bại, lợi hại, con người đều có mạng, chớ cái mạch đạo vẫn trường tồn với vũ trụ.

Kìa đời xưa có người đương thời vẫn khuất thân mà đạo của họ vẫn lưu hành hậu thế; giữa triều đình thì thấp thỏm, không danh vị, không được trọng vọng, thế mà tự chốn nhà tranh cửa lá,

---

<sup>30</sup> Nam Xuân Thọ, “Võ Trường Toản”, Tân Việt, Sài Gòn, 1957, trang 13.

danh tiết được trọng vì như hàng “thi chúc” (thần thi, thần chúc), lâu đời càng sáng tỏ lời khen.

Nay Phan tiên sinh đã ra người thiên cổ, mà bậc đồng đạo hoặc đi xa, hoặc quá vắng, nên tôi kính cẩn biên lại đây để duy trì việc người trước, hầu sau chư quân tử có chỗ tra khảo được.

Tự Đức năm Nhâm Thìn (1868), trước Thanh Minh hai ngày, kẻ hậu học kính biên. Nguyễn Thông.

*(Ngạc Xuyên Ca Văn Thỉnh dịch)*



## **BÀI VĂN CỦA NGUYỄN THÔNG VIẾT TRONG BUỔI LỄ CẢI TÁNG VÕ TRƯỜNG TOẢN**

*Đốc Học Nguyễn Thông được cử làm tang chủ, mặc tang phục theo lễ xưa của học trò để tang thầy trong buổi lễ cải táng mộ Võ Trường Toản từ Hòa Hưng, Gia Định (nay là Sài Gòn – TP HCM) về làng Bảo Thạnh, Vĩnh Long (nay là Bến Tre) vào ngày 28 tháng 3 năm Đinh Mão (1867). Kinh Lược Sứ Phan Thanh Giản viết bài văn cho mộ bia, còn Đốc Học Nguyễn Thông viết bài văn sau đây để tuyên dương Võ Trường Toản và khuyên các học sinh. Tài liệu sau đây được hiệu đính theo “Bulletin de la Société des Études Indochinoises” tập 16, số 1, quý 1 năm 1941, Saigon và trong quyển “Nam Bộ Nhân Vật Chí – Nguyễn Thông, Con Người & Tác Phẩm” của Ca Văn Thỉnh và Bảo Định Giang do nhà xuất bản Trẻ phát hành năm 2001.*



丁卯三月二十八日遷葬崇德武夫子  
述事勛同學諸子

**ĐÌNH MÃO TAM NGUYỆT NHỊ THẬP BÁT NHẬT  
THIÊN TÁNG SÙNG ĐỨC VÕ PHU TỬ  
THUẬT SỰ HỨC ĐỒNG HỌC CHƯ TỬ<sup>31</sup>**

丹郊斗絕江海鄉  
Đan giao đấu tuyệt giang hải hương,  
辰極迴遠天渺茫  
Thần cực quỳnh viễn thiên diểu mang!  
中原道統幾續絕  
Trung nguyên đạo thống kỷ tục tuyệt,  
文風旁魄餽遐荒  
Văn phong bàng bạc lưu hà hoang.  
夫子挺生後千載  
Phu tử đĩnh sinh hậu thiên tải,  
若在洙泗親宮牆  
Nếu tại洙泗親宮牆  
Nước tại Thù Tứ thân cung tường.  
大學一編揭微旨  
Đại học nhất biên yết vi chỉ,  
煌煌秋旻倬漢章  
Hoàng hoàng thu môn trác Hán chương.  
天生大賢爲覺世  
Thiên sinh đại hiền vị giác thế,  
勳烈不在登巖廊  
Huân liệt bất tại đăng nham lang.  
及門諸公授心法  
Cập môn chư công thụ tâm pháp,  
手整海岳扶皇綱  
Thủ chỉnh hải nhạc phù hoàng cương.

---

<sup>31</sup> Hiệu đính theo bản Hán văn của P. Daudin trong “Bulletin de la Société des Études Indochinoises” tập 16, số 1, quý 1 năm 1941, Saigon, trang 22 và của Ca Văn Thỉnh và Bảo Định Giang, “Nam Bộ Nhân Vật Chí – Nguyễn Thông, Con Người & Tác Phẩm”, Trẻ, TP HCM, 2000, trang 152-155.

發潛褒德渙大汗  
 Phát tiềm bao đức hoán đại hãn,  
 宸圭睿藻垂琳瑯  
 Thân khuê duệ bảo thù lâm lang.  
 德星告隕七十載  
 Đức tinh cáo vãn thất thập tải,  
 明懿湮沒誰表揚  
 Minh ý yên một, thù biểu dương?  
 梁谿老生重感慨  
 Lương Khê lão sinh trùng cảm khái!  
 闡發幽渺懸清光  
 Xiển phát u diệu huyền thanh quang,  
 星移物換人事改  
 Tinh di vật hoán, nhân sự cải,  
 松摧栢毀觀者傷  
 Tùng thôi bách hủy quan giả thương!  
 重明正學續墜緒  
 Trùng minh chính học tục trụ tự,  
 揀卜吉兆營新堂  
 Giản bốc cát triệu doanh tân đường.  
 六州紳士執與紼  
 Lục châu thân sĩ chấp dĩ phát,  
 輓音凄壯還蒼涼  
 Vãn âm thê tráng hoàn thương lương!  
 嗟余淺薄忝後學  
 Ta dư thiển bạc thiểm hậu học,  
 緬想遺教欽景行  
 Diển tưởng di giáo khâm cảnh hàng.  
 廬峰苦卓伊源遠  
 Lư phong khổ trác Y nguyên viễn,  
 欲探至葆無梯航  
 Dục thám chí bảo vô thê hàng.  
 諸君英年沐化澤  
 Chư quân anh niên mộc hóa trạch,  
 諸君英年沐化澤

德業所造未可量  
Đức nghiệp sở tạo vị khả lường.  
泰山之雲起膚寸  
Thái Sơn chi vân khởi phu thốn,  
大江之源可濫觴  
Đại giang chi nguyên khả lạm thương.  
進學工夫貴積累  
Tiến học công phu quý tích lũy,  
勿事多岐徒亡羊  
Vật sự đa kỳ đồ vong dương.  
前賢芳躅幸未泯  
Tiền hiền phươg trưc hạnh vị dẫn,  
來者可繼余何望  
Lai giả khả kế dư hà vọng?

臥遊巢集詩卷二嘉定淇川老人阮通譔  
Ngọa Du Sào Tập Thi quyển nhị  
Gia Định Kỳ Xuyên Lão Nhân Nguyễn Thông soạn



**Dịch nghĩa:**<sup>32</sup>

**NGÀY 28 THÁNG 3 NĂM ĐINH MÃO (1867)  
DỜI MỘ VÕ PHU TỬ<sup>33</sup> HIỆU SÙNG ĐỨC  
NHÂN THUẬT LẠI VIỆC LÀM  
ĐỂ KHUYÊN CÁC HỌC SINH**

Cõi Nam xa tít làng sông bể,  
Sao Bắc Thần ở Bắc Cực cao xa, trời minh mông.  
Đạo thống ở Trung Nguyên bao phen đứt rồi lại nối,  
Văn phong truyền rộng ra ở ngoài cõi xa.  
Phu Tử sinh ra sau mấy ngàn năm,  
Như ở nơi sông Thù, sông Tứ gần cung tường đức  
Khổng.  
Một thiên Đại Học phát huy cái nghĩa tinh vi ra.  
Rực rỡ như trời mùa Thu, sao Vân Hán sáng ngời.  
Mới biết trời sinh bậc đại hiền để dạy đời,  
Công nghiệp không phải ở nơi triều đình.  
Dem tâm pháp truyền dạy học trò,  
Ra tay sửa sang núi bể giúp hoàng gia.  
Được nhà vua phát huy đức tiềm tàng,  
Ban hiệu lớn, sáng như ngọc lâm lang.  
Sao Đức sa rụng đã bảy mươi năm,

---

<sup>32</sup> Ca Văn Thỉnh và Bảo Định Giang, “Nam Bộ Nhân Vật Chí – Nguyễn Thông, Con Người & Tác Phẩm”, Trẻ, TP HCM, 2000, trang 152-155.

<sup>33</sup> *Võ Phu Tử*: tức Võ Trường Toản, người huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định, học rộng biết nhiều, không có chí làm quan, được Gia Long ban cho danh hiệu là “Gia Định Xử Sĩ Sùng Đức Võ Tiên Sinh” khắc vào mộ chí.

Theo lời chú của tác giả thì ông Võ Trường Toản, có nhiều học trò làm nên như Ngô Tông Châu, Trịnh Hoài Đức, Phạm Ngọc Uẩn, Lê Quang Định, Lê Bá Phẩm, Ngô Nhơn Tịnh, Trương Minh Thành, Phan Tiến Dưỡng, Phạm Xuân Quang, v.v... Bảy mươi năm sau khi ông tạ thế, vào thời Tự Đức, ông Phan Thanh Giản ở Gia Định tâu xin xây nhà bia cho ông. Mộ mới sau dời về ven bể, thuộc huyện Bảo An (tỉnh Vĩnh Long).

Khuôn phép sáng tốt bị vùi lấp, không ai biểu dương.  
Lương Khê<sup>34</sup> tiên sinh rất lấy làm cảm khái!  
Vẫn giữ mối làm cho ánh sáng rõ rệt khỏi lu mờ.  
Vật đổi sao dời, việc người thay đổi.  
Cảnh tùng bách tối tàn trước mộ, ai thấy cũng thương tâm.  
Ông Lương Khê muốn làm sáng tỏ lại chính học, nổi  
được mối đã đứt,  
Lựa chọn đất tốt, xây dựng mồ mới.  
Các thân sĩ ở sáu châu đều đến cầm phát,<sup>35</sup>  
Tiếng khóc đưa đau thương mà hùng tráng khắp  
khoảng không.  
Ôi! như tôi tài học thiếu bạc, được dự vào lớp hậu học,  
Nhớ lời dạy xưa, kính theo đường lớn,<sup>36</sup>  
Núi Lô<sup>37</sup> cao khó theo, nguồn Y<sup>38</sup> xa khó tìm!  
Muốn dò được của rất báu, thì lên mây không có thang,  
vượt bể không có thuyền!  
Các anh tuổi còn trẻ, được tấm gọi ơn giáo hóa,  
Đức nghiệp tiến lên chưa thể lường được!  
Ví như mây ở Thái Sơn, khi bốc lên mới dày một tấc,<sup>39</sup>  
Ví như nguồn ở Đại Hà, khi chảy đầy tràn chén,<sup>40</sup>  
Công phu học tập tiến bộ cần phải tích lũy.  
Chớ như người vì tìm nhiều đường đến nổi mất dê,<sup>41</sup>

---

<sup>34</sup> *Lương Khê*: tên hiệu của Phan Thanh Giản.

<sup>35</sup> Cầm cái phát che trên xe chở quan tài, ý nói đi đưa đám.

<sup>36</sup> Đường lớn, đường chính đạo.

<sup>37</sup> *Lô Phong*: hiệu của Âu Dương Tu, đại văn hào ở đời Tống.

<sup>38</sup> *Y Nguyên*: hiệu của Trình Di, nhà đạo học ở đời Tống.

<sup>39</sup> Dày một tấc, ý nói mây khi ở núi bốc lên chỉ dày một tấc, mà sau bay tỏa khắp nơi.

<sup>40</sup> Sông Trường Giang phát nguyên ở núi Mân Sơn, lúc đầu chỉ vừa đầy tràn cái chén.

Dấu thơm của tiền bối, may chưa tiêu diệt!  
Người sau nối tiếp được, tôi không trông mong gì hơn  
nữa.

(*Ca Văn Thỉnh và Bảo Định Giang dịch*)



---

<sup>41</sup> Nhiều ngã đường nên dễ lầm lẫn đến nỗi dễ đi lạc mất (câu nói trong sách *Liệt Tử*). Nghĩa bóng nói học nhiều thuyết, nhiều đạo, nên bỏ mất đạo chính.